

QUẢN LÝ GIÁO DỤC BẢN SẮC VĂN HOÁ DÂN TỘC CHO HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THỊ XÃ QUẾ VÕ (CŨ), TỈNH BẮC NINH TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

Phạm Thị Vân

Trường THCS Phương Liễu, phường Phương Liễu, tỉnh Bắc Ninh

Tóm tắt: Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc (BSVHDT) là một chủ trương đúng đắn của Đảng, Nhà nước trong thời gian qua. Quản lý giáo dục (GD) BSVHDT cho học sinh (HS) là một trong các nội dung giáo dục quan trọng của trường THCS nhằm góp phần bảo lưu và phát triển những giá trị truyền thống trong thế hệ trẻ. Bài viết trình bày về quản lý giáo dục BSVHDT cho HS trường THCS thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0.

Từ khóa: Quản lý giáo dục, bản sắc văn hóa dân tộc, học sinh trung học cơ sở, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

MANAGEMENT OF ETHNIC CULTURAL IDENTITY EDUCATION FOR STUDENTS IN LOWER SECONDARY SCHOOLS IN FORMER QUE VO TOWN, BAC NINH PROVINCE, IN THE CONTEXT OF THE FOURTH INDUSTRIAL REVOLUTION

Abstract: Education on ethnic cultural identity has been a sound policy of the Party and the State in recent years. The management of ethnic cultural identity education for students is one of the important educational contents of lower secondary schools, contributing to the preservation and development of traditional values among the younger generation. This article presents the management of ethnic cultural identity education for students in lower secondary schools in Que Vo Town, Bac Ninh Province, in the context of the Fourth Industrial Revolution.

Keywords: educational management, ethnic cultural identity, lower secondary school students, Que Vo Town, Bac Ninh Province.

Nhận bài: 02/03/2026

Phản biện: 24/03/2026

Duyệt đăng: 27/03/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

BSVHDT là tổng hòa những giá trị văn hóa bền vững, phản ánh diện mạo, sắc thái, cốt cách, tâm hồn, tâm lý... của một dân tộc, được thường xuyên hun đúc, bổ sung và lan tỏa trong lịch sử dân tộc, trở thành tài sản tinh thần đặc sắc, tạo nên sức mạnh gắn kết cộng đồng và để phân biệt sự khác nhau giữa dân tộc này với dân tộc khác trong cộng đồng nhân loại. Bản sắc văn hóa Việt Nam được biểu hiện ở lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc, lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống.

Bản sắc văn hóa tuy rất sâu sắc nhưng cũng không phải nhất thành bất biến, nó có thể vận động, bổ sung, phát triển để phù hợp hơn với thực tiễn sống động. Vì vậy, cần coi trọng việc bảo tồn, phát huy BSVHDT, đồng thời tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại; cân nhắc, lựa chọn, tiếp thu những giá trị khoa học, hợp lý, nhân văn, tiến bộ, phù hợp với điều kiện thực tiễn, lịch sử truyền thống văn hóa dân tộc, phù hợp với thể chế chính trị và nền tảng tinh thần của chế độ xã hội chủ nghĩa (XHCN).

Trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0), bên cạnh việc phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia thì nguồn lực văn hóa đang được nhiều quốc gia coi là một “sức mạnh mềm” quan trọng để phát triển nhanh, bền vững và nâng cao vị trí, vai trò trên trường quốc tế.

Việc giữ gìn bản sắc văn hóa nói chung, BSVHDT nói riêng là bổn phận của mỗi cá nhân, gia đình và cả xã hội. Nhằm cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển văn hóa, thực hiện Nghị quyết số 71-TU/NQ của BCH Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh khóa XX về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bắc Ninh đến năm 2030, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững” trong đó môi trường giáo dục nhà trường, đặc biệt là các trường THCS trên địa bàn giữ vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy BSVHDT.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Một số vấn đề lý luận về quản lý giáo dục BSVHDT cho HS THCS trong bối cảnh CMCN 4.0

2.1.1. Một số khái niệm liên quan

***Bản sắc văn hoá dân tộc:** BSVHDT mang ý nghĩa chỉ cái cốt lõi, chỉ những đặc trưng riêng của một cộng đồng văn hóa trong lịch sử phát

triển, tạo cơ sở cho sự phân biệt, nhận diện sự khác nhau giữa tộc người này với tộc người khác, giữa dân tộc này với dân tộc khác. Nói cách khác, BSVHDT là tổng thể các giá trị đặc trưng mang tính bản chất, bền vững của văn hóa dân tộc, được hình thành và phát triển, bồi đắp qua quá trình lịch sử lâu dài.

**Giáo dục BSVHDT* là quá trình hoạt động có ý thức, có mục đích, có kế hoạch nhằm bồi dưỡng cho HS phẩm chất, năng lực, trí thức cần thiết về giá trị vật chất và tinh thần, kinh nghiệm ứng xử, lối sống, ngôn ngữ ... của một dân tộc hướng tới sự phát triển toàn diện của người học trong đời sống văn hóa xã hội của chính dân tộc đó.

Mục đích Giáo dục VHDT nhằm mục đích cung cấp cho HS những kiến thức cơ bản, những hiểu biết về vốn văn hoá truyền thống của các dân tộc trên quê hương mình; Hình thành và phát triển ở HS các kỹ năng tiếp cận, khai thác tri thức và vốn văn hoá truyền thống của địa phương để tiếp thu, học hỏi, vận dụng trong hoạt động hiện tại cũng như sau này; Giáo dục truyền thống văn hoá, bồi dưỡng ý thức dân tộc, nâng cao thái độ trân trọng di sản văn hoá dân tộc và trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng và quê hương, hình thành ở HS tình cảm trong sáng, cao đẹp, yêu thương, gắn bó với cộng đồng.

**Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0*

Bản chất của CMCN 4.0 là dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp tất cả các công nghệ thông minh để tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất; nhấn mạnh những công nghệ đang và sẽ có tác động lớn nhất là công nghệ in 3D, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa, người máy,...

Cuộc CMCN 4.0, là xu hướng hiện tại của tự động hóa và trao đổi dữ liệu trong công nghệ sản xuất, bao gồm các hệ thống mạng vật lý, mạng Internet kết nối vạn vật và điện toán đám mây.

Cuộc CMCN 4.0 không chỉ là về các máy móc, hệ thống thông minh và được kết nối, mà còn có phạm vi rộng lớn hơn nhiều. Đồng thời là các làn sóng của những đột phá xa hơn trong các lĩnh vực khác nhau từ mã hóa chuỗi gen cho tới công nghệ nano, từ các năng lượng tái tạo tới tính toán lượng tử. CMCN 4.0 tạo điều kiện cho giáo dục có được phương tiện hiện đại để tiếp nhận các giá trị văn minh nhân loại mà không cần tốn nhiều công sức.

* *Quản lý giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc*: là quá trình tác động có tổ chức, có mục đích của nhà quản lý lên đối tượng quản lý giáo dục BSVHDT gồm: Mục tiêu, nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục cùng các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục nhằm mục tiêu GDBSVHDT trong nhà trường để thực hiện giữ gìn, phát huy những giá trị VHDT đối với thế hệ trẻ.

2.1.2. *Mục tiêu và nội dung GDBSVHDT cho HS ở trường THCS*

* *Mục tiêu giáo dục BSVHDT cho HS THCS*: nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết và tôn vinh các giá trị VH truyền thống, giá trị nhân văn, nhân đạo, nét đặc trưng của văn hóa dân tộc, lý tưởng cách mạng, các chuẩn mực đạo đức, chuẩn mực về quy phạm pháp luật, giá trị BSVH, có ảnh hưởng đến hành vi, thái độ ... Các nội dung ấy đã được đúc kết ngắn gọn, dễ hiểu nhất được thể hiện trong chương trình rèn luyện của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh: “Nội dung rèn luyện Đội viên thiếu nhi theo 5 điều Bác Hồ dạy”.

* *Nội dung giáo dục BSVHDT cho HS THCS*

a) *Giáo dục HS nét văn hóa ứng xử trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày*

Cộng đồng dân tộc không chỉ gắn bó với nhau bởi quan hệ gia đình mà ở họ còn có những mối liên hệ cộng đồng tự nhiên, thuần phác đến mức mật thiết, giàu sức sống nhân văn. Quan hệ này thể hiện qua giao tiếp, ứng xử giữa con người với con người, tạo nên cốt cách, thành nét đẹp trong đời sống văn hóa, truyền thống của dân tộc mình.

b) *Giáo dục HS về nét văn hóa qua trang phục*

Trang phục không chỉ đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ mà còn phản ánh đặc trưng văn hoá, lịch sử, điều kiện tự nhiên và quan niệm sống của mỗi dân tộc, vùng miền. Thông qua việc tìm hiểu và trải nghiệm các loại trang phục truyền thống như áo dài, trang phục dân tộc thiểu số, HS có cơ hội nhận thức sâu sắc hơn về giá trị văn hoá, ý nghĩa biểu trưng và sự đa dạng văn hoá trong cộng đồng. Đồng thời, hoạt động này góp phần hình thành ý thức giữ gìn, tôn trọng và phát huy BSVHDT trong đời sống hiện đại. Việc lồng ghép nội dung giáo dục về trang phục vào các môn học và HĐTN không chỉ làm tăng tính hấp dẫn mà còn giúp HS phát triển thẩm mỹ, kỹ năng giao tiếp và niềm tự hào về văn hoá dân tộc

c) *Giáo dục HS về BSVHDT qua các loại hình nghệ thuật*

Nghệ thuật và loại hình nghệ thuật cũng là biểu thị nét văn hóa đặc sắc của tộc người cần lưu giữ. Việc giáo dục cho HS những giá trị VH là cần thiết bởi lẽ mỗi dân tộc (tộc người) lại có những loại hình nghệ thuật khác nhau. Thông qua việc tích hợp các loại hình nghệ thuật vào dạy học và hoạt động giáo dục, HS có cơ hội tiếp cận một cách trực quan, sinh động với các giá trị văn hoá dân tộc, từ đó hình thành nhận thức đúng đắn và tình cảm gắn bó với quê hương, cội nguồn.

d) Giáo dục HS về nét văn hóa ẩm thực trong sinh hoạt của cộng đồng

BSVHDT thể hiện qua ẩm thực: ẩm thực không chỉ phản ánh điều kiện tự nhiên, lịch sử và đời sống của mỗi vùng miền mà còn chứa đựng các giá trị văn hoá, phong tục và chuẩn mực ứng xử của cộng đồng. Giáo dục HS nét văn hóa ẩm thực trong sinh hoạt của cộng đồng để qua đó giúp HS có thêm kiến thức, hiểu thêm về văn hóa, lịch sử phát triển của dân tộc cũng như những thay đổi của những giá trị văn hóa này trong các tộc người. Thông qua việc tìm hiểu, trải nghiệm các món ăn truyền thống, HS có cơ hội nhận diện và trân trọng BSVHDT, từ cách lựa chọn nguyên liệu, phương thức chế biến đến ý nghĩa trong các dịp lễ, tết. Đồng thời, hoạt động này còn góp phần hình thành thái độ tôn trọng sự đa dạng văn hoá, nâng cao ý thức giữ gìn và phát huy giá trị truyền thống trong bối cảnh hội nhập.

e) Giáo dục HS nét văn hóa tín ngưỡng của tộc người

Tín ngưỡng cũng là một hình thái biểu hiện văn hóa của người dân tộc, mỗi tộc người có những tín ngưỡng khác nhau. Qua tín ngưỡng có thể nhận thấy các giá trị văn hóa của tộc người.

2.1.3. Nội dung quản lý GDBSVHDT cho HS ở trường THCS trong bối cảnh CMCN 4.0

** Lập kế hoạch GDBSVHDT cho HS ở trường THCS*

Xây dựng kế hoạch giáo dục bảo tồn BSVHDT là một bước quan trọng nhằm tạo nên nền tảng cho việc thực hiện mục tiêu theo lộ trình có tính hệ thống, logic, phù hợp với điều kiện thực tế và tạo cơ sở để có thể kiểm tra, giám sát hiệu quả thực hiện của công tác giáo dục bảo tồn và phát huy BSVHDT

**Tổ chức thực hiện GDBSVHDT cho HS ở trường THCS*

Trên cơ sở kế hoạch giáo dục BSVHDT, Hiệu

trưởng nhà trường tổ chức triển khai các hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa cho HS trong nhà trường.

**Chỉ đạo GDBSVHDT cho HS ở trường THCS*

Chỉ đạo thực hiện kế hoạch tổ chức giáo dục BSVHDT là sự can thiệp của Hiệu trưởng vào toàn bộ quá trình quản lý GD BSVHDT để bảo đảm việc thực hiện nề nếp học tập được diễn ra đúng hướng, đúng kế hoạch, tập hợp và phối hợp các lực lượng giáo dục đạt hiệu quả. Chỉ đạo giáo dục BSVHDT sẽ đạt hiệu quả cao nếu trong quá trình chỉ đạo Hiệu trưởng biết kết hợp giữa sử dụng uy quyền và thuyết phục, động viên khích lệ, tôn trọng, tạo điều kiện cho người dưới quyền được phát huy năng lực và tính sáng tạo của họ.

**Kiểm tra, đánh giá GDBSVHDT cho HS ở trường THCS*

Kiểm tra, đánh giá GD BSVHDT là khâu cuối cùng trong chu trình quản lý của Hiệu trưởng trong việc thực hiện kế hoạch tổ chức giáo dục BSVHDT của giáo viên, HS trong nhà trường, đồng thời mở ra một chu trình quản lý mới. Công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện giáo dục BSVHDT giúp Hiệu trưởng phát hiện và điều chỉnh những lệch lạc, sai sót trong quá trình thực hiện kế hoạch từ đó đưa ra những biện pháp kịp thời để uốn nắn, sửa chữa cần thiết

2.2. Khái quát về thực trạng quản lý GDBSVHDT cho HS các trường THCS thị xã Quế Võ (cũ), tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh CMCN 4.0

Hiện nay, thị xã Quế Võ (cũ) có 22 trường THCS, với tổng số lớp cấp THCS là 361, tổng số HS là 14.459. Tính trung bình mỗi lớp ở bậc THCS có từ 40-45 HS/ lớp. Tác giả tiến hành khảo sát phương pháp bảng hỏi 40 CBQL (Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng); 150 GV tại 15 trường THCS trong địa bàn kết quả như sau:

2.2.1. Những ưu điểm

Nhận thức của CBQL, GV được nâng cao: Đa số cán bộ, giáo viên đều nhận thức rõ vai trò của GDBSVHDT trong quá trình giáo dục toàn diện, đặc biệt trong bối cảnh CMCN 4.0 với nhiều nguy cơ “hòa tan” văn hóa.

Công tác lập kế hoạch có sự quan tâm và chủ động: Nhiều trường đã xây dựng kế hoạch GD BSVHDT cụ thể theo năm học, học kỳ, từng khối lớp; bước đầu gắn với các hoạt động chuyên môn, trải nghiệm.

Tổ chức thực hiện linh hoạt và sáng tạo: Các trường đã tổ chức được nhiều hoạt động như ngoại khóa, hội thi, chuyên đề, gắn kết giáo dục văn hóa với các môn học như Ngữ văn, Lịch sử, GDCD,... theo hướng tích hợp.

Chỉ đạo, điều hành có trọng tâm: Vai trò của hiệu trưởng được thể hiện rõ trong việc xây dựng chương trình, phân công nhiệm vụ, huy động nguồn lực để tổ chức các hoạt động GD BSVHDT.

Kiểm tra, đánh giá bước đầu được thực hiện bài bản: Một số trường đã xây dựng được tiêu chí đánh giá, tổ chức rút kinh nghiệm sau kiểm tra, bước đầu hướng đến đánh giá năng lực toàn diện.

Sự ảnh hưởng tích cực từ các yếu tố khách quan: Truyền thống văn hóa địa phương, sự quan tâm chỉ đạo từ cấp trên, môi trường gia đình nhìn chung thuận lợi, góp phần hỗ trợ nhà trường trong GD BSVHDT cho HS.

2.2.2. Những tồn tại hạn chế

Bên cạnh những thành công thì hoạt động GD BSVHDT cho HS cũng có những hạn chế nhất định.

Một số kế hoạch còn mang tính hình thức, thiếu tính khả thi, chưa gắn chặt với điều kiện thực tế, còn rập khuôn theo mẫu, thiếu tính sáng tạo và không có định hướng cụ thể cho từng giai đoạn.

Công tác tổ chức thực hiện chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao. Việc phân công, phối hợp giữa giáo viên và các lực lượng trong và ngoài nhà trường còn lỏng lẻo, thiếu quy trình rõ ràng. Các HĐTN còn đơn điệu, thiếu chiều sâu.

Công tác chỉ đạo còn mang tính hành chính, một số hiệu trưởng còn thiên về giao nhiệm vụ, chưa thực sự đồng hành, hỗ trợ GV trong đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức GD BSVHDT.

Kiểm tra, đánh giá chưa thực sự phản ánh đúng năng lực HS. Các tiêu chí đánh giá còn chung chung, chưa có bộ công cụ đo lường cụ thể, đánh giá còn nặng về hình thức, chưa gắn với chuyển biến về nhận thức, hành vi của HS.

2.3. Các biện pháp quản lý GDBSVHDT cho HS các trường THCS thị xã Quế Võ (cũ), tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh CMCN 4.0

2.3.1. Tổ chức nâng cao nhận thức về GDBSVHDT cho CBQL, GV trường THCS

* Mục tiêu biện pháp: nhằm trang bị, cung cấp cho đội ngũ CBQL, GV nhận thức về tầm quan trọng của BSVHDT trong bối cảnh CMCN 4.0 để

từ xác định các chuyên đề, nội dung tích hợp đưa vào giáo dục trong chương trình giáo dục nhà trường;

* Nội dung biện pháp

Trước hết, nhà trường cần nâng cao nhận thức cho đội ngũ CBQL và GV về ý nghĩa, vai trò của GD BSVHDT cho HS trong bối cảnh CMCN 4.0 và những tác động của bối cảnh đến các giá trị văn hoá, BSVHDT hiện nay.

Nhận thức về tầm quan trọng của GDBSVHDT cho HS, nội dung, cách thức và các nguồn lực cần thiết để triển khai giáo dục cho HS trong nhà trường.

Trang bị cho CBQL và GV những kiến thức cần thiết về BSVHDT cũng như các kỹ năng tổ chức GD BSVHDT. Đây là cơ sở quan trọng để GV triển khai các HĐGD một cách HQ và phù hợp với đặc điểm của HS THCS.

* Cách thực hiện biện pháp

Hiệu trưởng tổ chức cho CBQL, GV nghiên cứu và quán triệt các văn kiện, chủ trương của Đảng và Nhà nước về GD và ĐT. Hiệu trưởng chú ý tạo sự cân đối giữa HĐ dạy học và các HĐ GD khác, trong đó có GD BSVHDT.

Hiệu trưởng tổ chức các HĐ bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận, năng lực TC HĐ GD cho đội ngũ GV. Việc bồi dưỡng cho GV có thể được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau. Ngoài ra, có thể tổ chức các chuyên đề liên quan đến việc giữ gìn và phát huy các giá trị VH truyền thống của địa phương, Nhà trường cử GV tham gia các lớp tập huấn do Bộ GD và ĐT hoặc Sở GD và ĐT tổ chức về nội dung này.

2.3.2. Tổ chức bồi dưỡng năng lực GDBSVHDT cho giáo viên trường THCS

* Mục tiêu biện pháp: Nhằm nâng cao năng lực cho CBQL, GV đồng thời trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp khơi dậy ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân GV đối với GD BSVHDT cho HS.

* Nội dung biện pháp

Bồi dưỡng CBQL, GV về nội dung các giá trị văn hóa cần giáo dục cho HS các trường THCS; bồi dưỡng năng lực tổ chức GD BSVHDT cho HS.

Hoạt động bồi dưỡng hướng tới 3 nhóm đối tượng: GV chủ nhiệm, GV các bộ môn có ưu thế và GV kiêm nhiệm công tác Đoàn đội. Với cả 3 nhóm đối tượng GV chủ nhiệm, GV các bộ môn có ưu thế và GV kiêm nhiệm công tác Đoàn đội.

** Cách thực hiện biện pháp*

Hiệu trưởng tạo điều kiện cho GV được theo học các lớp bồi dưỡng về giáo dục BSVHDT để nâng cao nhận thức, trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Kế hoạch bồi dưỡng phải có tính khả thi, đảm bảo sự thống nhất cao giữa các đơn vị liên quan. Thường xuyên kiểm tra, bám sát kế hoạch.

CBQL nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhận thức về GD BSVHDT cho HS là một nhiệm vụ, một hoạt động giáo dục cần thực hiện trong năm học.

2.3.3. Chỉ đạo đa dạng hóa hình thức tổ chức GDBSVHDT cho HS

** Mục tiêu biện pháp:* Nhằm tổ chức triển khai hoạt động GDBSVH cho HS với nhiều hình thức khác nhau như: GDBSVH qua các hoạt động trải nghiệm, tổ chức lồng ghép vào các buổi sinh hoạt lớp, tổ chức các cuộc thi, hội thi tìm hiểu về nét đẹp văn hóa các dân tộc,... Giúp cho HS được trải nghiệm văn hóa dân tộc (VHDT), được tham gia trực tiếp vào các hoạt động tìm hiểu VHDT

** Nội dung biện pháp*

Đa dạng hóa hình thức GDBSVH cho HS theo hướng thông qua các HĐTN, hoạt động đền ơn đáp nghĩa, tìm hiểu về danh nhân văn hóa địa phương, các hoạt động tập thể sinh hoạt VH dân gian, các trò chơi, lễ hội dân gian, mời các nghệ nhân nói chuyện về việc lưu truyền BSVH, phối hợp các lực lượng gia đình - xã hội trong GD BSVHDT,...

Xây dựng kế hoạch cụ thể về chương trình tham qua thực tế tìm hiểu về BSVH của địa phương kết hợp với bộ môn lịch sử, địa lý,... tham quan các di tích lịch sử

** Cách thực hiện biện pháp*

- Thông qua con đường dạy các môn học có ưu thế để giáo dục BSVH.

- Thông qua các HĐTN, hoạt động ngoại khóa.

- Thông qua các chương trình hành động tổ chức nhằm đáp ứng những lợi ích chính đáng của HS trong học tập, sinh hoạt, vui chơi giải trí. Từ đó phát huy được vai trò chủ thể của HS, định hướng cho HS có ý thức tiếp thu, vận dụng vào điều khiển các hoạt động tập thể của HS.

2.3.4. Phối hợp các lực lượng giáo dục trong tổ chức các hoạt động GDBSVHDT

** Mục tiêu biện pháp:* Nhằm tạo lập sự thống nhất trong nhận thức, mục tiêu, ND và cách thức TC các HĐ GD. Sự phối hợp đồng bộ của các lực

lượng này tạo nên môi trường GD rộng mở, góp phần nâng cao hiệu quả các HĐ GD BSVHDT trong môi trường nhà trường.

** Nội dung biện pháp*

Xác định rõ những lực lượng tham gia vào quá trình phối hợp. Trên cơ sở đó, việc chỉ đạo, điều hành và TC thực hiện ND chương trình GD trong môi trường nhà trường mới có thể được triển khai một cách thống nhất và đạt kết quả thiết thực.

** Cách thức thực hiện*

Nhà trường đẩy mạnh tuyên truyền để các lực lượng trong và ngoài NT nhằm nâng cao nhận thức rõ vị trí và ý nghĩa của HĐ GD BSVHDT đối với HS.

Yêu cầu đội ngũ GV nhà trường, phối hợp với các nghệ nhân dân gian, các thành viên của câu lạc bộ bảo tồn dân ca quan họ hoặc các nghệ nhân làng nghề truyền thống. tham gia các HĐ GD tạo sự sinh động, gần gũi và giàu tính thực tiễn hơn trong GD HS.

Huy động các tổ chức như đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên, Công đoàn tham gia trực tiếp vào các HĐ GD BSVHDT cho HS.

2.3.5. Tăng cường CSVC và tài chính cho hoạt động GDBSVHDT

** Mục tiêu biện pháp* Nhằm bảo đảm CSVC và nguồn lực tài chính tạo cơ hội cho HS tham gia vào các HĐTN, tìm hiểu và thực hành VH một cách sinh động hơn góp phần khơi dậy hứng thú học tập, khuyến khích tinh thần tìm tòi, khám phá và giúp HS tích cực tham gia vào các HĐ GD liên quan đến BSVHDT.

** Nội dung biện pháp*

Giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm của tập thể sư phạm trong QL và khai thác hợp lý các nguồn lực phục vụ GD BSVHDT cho HS.

Phân công một thành viên trong ban lãnh đạo phụ trách lĩnh vực CSVC, đồng thời xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm TC QL, sử dụng và phát triển các ĐK phục vụ cho HĐGD.

** Cách thức thực hiện biện pháp*

Nhà trường tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng và tu sửa CSVC theo định kỳ theo tháng hoặc theo quý.

Nhà trường quan tâm xây dựng và phát huy vai trò của phòng truyền thống để trưng bày các hiện vật gắn với đời sống VH của các dân tộc,

Nhà trường tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về VH và lịch sử địa phương với những chủ đề như “Đur địa chí Việt Nam”, “Tự hào Bắc Ninh” hay

“Tự hào VH - lịch sử Bắc Ninh”. Thông qua các HĐ này, GV có thể khai thác các nét đặc trưng của VH địa phương để xây dựng các tư liệu hình ảnh, video phục vụ cho việc giảng dạy và TC các HĐ GD BSVHDT cho HS.

Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực XH cho hoạt động GD BSVHDT HS và đẩy mạnh xây dựng mối quan hệ gắn kết giữa NT, gia đình và XH trong GD BSVHDT cho HS THCS.

III. KẾT LUẬN

Quản lý GD BSVHDT cho HS là một trong các nội dung giáo dục của trường THCS nhằm góp phần bảo lưu và phát triển những giá trị truyền thống trong thế hệ trẻ. Hoạt động GDBSVHDT cho HS các trường THCS thị xã Quế Võ (cũ), tỉnh Bắc Ninh hiện nay đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận.

Trên cơ sở lý luận và thực trạng, tác giả đã đề xuất 5 biện pháp quản lý GDBSVHDT cho HS các trường THCS thị xã Quế Võ (cũ), tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh CMCN 4.0. Cụ thể: Nâng cao nhận thức về GDBSVHDT cho CBQL, đội ngũ giáo viên; Tổ chức bồi dưỡng năng lực GDBSVHDT cho GV; Chỉ đạo đa dạng hóa hình thức tổ chức GDBSVHDT cho HS; Tổ chức phối hợp các lực lượng giáo dục trong quản lý hoạt động GDBSVHDT; Tăng cường CSVC và tài chính cho hoạt động GDBSVHDT cho HS.

Các biện pháp được khảo nghiệm và đều được đánh giá có tính cần thiết và tính khả thi cao. Đây là cơ sở khoa học quan trọng để hiệu trưởng các trường THCS trên địa bàn tham khảo vận dụng trong quản lý hoạt động GD BSVHDT ở trường mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành TƯ Đảng (khoá VIII, 1998), *Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Hà Nội
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án PTGD THPT giai đoạn II (2014), *Tài liệu bồi dưỡng “Cán bộ quản lý và giáo viên THPT về giáo dục bảo tồn và phát huy BSVHDT thiếu số”*. Hà Nội.
- Phạm Đức Long (2009) “*Biện pháp quản lý phát triển các hoạt động giữ gìn BSVHDT ở Trung tâm HTCD huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La*”.
- Mãng Thắng Lợi (2015), *Biện pháp quản lý giáo dục truyền thống VHDT cho HS các trường THCS dân tộc nội trú tỉnh Gia Lai, Đại học Đà Nẵng*.
- Phạm Lệ Thanh (2014), *Quản lý hoạt động GDBSVHDT cho HS trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Điện Biên, Luận văn thạc sĩ Trường ĐHGĐ- ĐHQGHN*.